

GIẢI ĐÁP CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ LIÊN QUAN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ CHỨNG THỰC

ThS. Liêng Bích Ngọc (*)

Câu 1. Chứng thực bản sao từ bản chính Quyết định ủy quyền

Tôi ra phường để sao y quyết định ủy quyền của Tổng giám đốc ngân hàng (tư nhân) cho giám đốc của chi nhánh ngân hàng tôi, nhưng cán bộ phường trả lời vì ủy quyền cho cá nhân nên phường không chứng thực được. Vậy cho tôi hỏi tôi có thể chứng thực được tại cơ quan nào?

Trả lời

Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định:

“2. “Chứng thực bản sao từ bản chính” là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.”

Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định những chủ thể sau đây có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính:

“Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng”.

Căn cứ các quy định trên thì trường hợp bạn hỏi là việc chứng thực bản sao từ bản chính là thuộc thẩm quyền của UBND xã, phường, thị trấn và công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng. Do vậy, bạn có thể tới tổ chức hành nghề công chứng hoặc UBND phường.

Câu 2. Chứng thực chữ ký người dịch trong trường hợp mất bản chính giấy tờ cần dịch

Tôi bị mất bằng tốt nghiệp cấp 3, nay tôi đến Sở Giáo dục đào tạo xin cấp lại Bản sao. Xin hỏi từ bản sao này tôi có thể đi dịch sang tiếng nước ngoài và chứng thực được không?

(*) Giảng viên Khoa Quản lý Hành chính, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Trả lời

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Giá trị pháp lý của bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính, chữ ký được chứng thực quy định:

“1. Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch”

Căn cứ quy định trên thì bản sao Bằng tốt nghiệp của bạn do Sở giáo dục và đào tạo cấp có thể chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Bạn có thể tới Phòng tư pháp cấp huyện để làm thủ tục trên.

Câu 3. Người ký sao y bản chính

Người ký bản chính văn bản sau đó ký sao y bản chính của văn bản mình đã ký có được không?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 về công tác văn thư thì "Bản sao y bản chính" là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản và được trình bày theo thể thức quy định. Bản sao y bản chính phải được thực hiện từ bản chính. Ngoài ra, Nghị định 110/2004/NĐ-CP về công tác văn thư, Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 8/2/2010 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư và Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính không quy định về thẩm quyền ký sao y bản chính. Vì vậy, người ký văn bản có thể ký sao y bản chính giấy tờ, văn bản mà mình đã ký. Tuy nhiên, trong thực tế, thông thường Chánh văn phòng cơ quan hoặc người phụ trách văn phòng sẽ thực hiện sao y bản chính và vấn đề này được quy định ở quy chế hoạt động của cơ quan.

Câu 4. Có được chứng thực giá trị gia tăng, biên lai thu lệ phí không?

Hóa đơn giá trị gia tăng, biên lai thu lệ phí có chứng thực được không? Nếu không chứng thực được mà người thực hiện chứng thực vẫn thực hiện thì có sao không?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP: “Chứng thực bản sao từ bản chính” là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính. Và khoản 5 Điều này quy định “Bản chính” là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại; những giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Loại và hình thức hóa đơn được quy định tại Điều 3 Thông tư 39/2014/TT-BTC như sau:

1. Hóa đơn là chứng từ do người bán lập, ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2. Các loại hóa đơn:

a) Hóa đơn giá trị gia tăng là loại hóa đơn dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong các hoạt động sau:

- Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong nội địa;
- Hoạt động vận tải quốc tế;
- Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;
- Xuất khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài.

Chứng từ thu tiền phí, lệ phí là Biên lai thu tiền phí, lệ phí do cơ quan thu phí, lệ phí lập khi thu các khoản phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao trong các trường hợp sau:

1. Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ.
2. Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung.
3. Bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp.
4. Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.

5. Bản chính do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.

6. Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Căn cứ theo quy định trên, chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận. Hóa đơn không phải là giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc chứng nhận nên không thuộc trường hợp chứng thực.

Liên quan đến hoạt động chứng thực, nhằm xử lý nghiêm vi phạm hành chính trong hoạt động chứng thực, Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 08 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định phạt tiền từ 5-10 triệu đồng đối với hành vi chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.